

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2024/HS-PT
Ngày 03-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Chum;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 208/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lê Thị L, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2024/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Thị L sinh năm 1996 tại tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038196028908, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội; nơi thường trú: thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; nơi tạm trú: số H, đường S, khu phố D, thị trấn H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; con ông Lê Văn M và bà Lê Thị D; bị cáo có chồng tên Phạm Xuân Q và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/7/2023 đến ngày 04/8/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, bị cáo bị bắt tạm giam lại ngày 22/01/2024 đến nay, có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/7/2023, sau khi dự tiệc cưới, nhóm 10 người gồm: Lê Văn T, Lê Hoài L1, Trịnh Đình L2, Ngô Sỹ C, Lê Văn H, Ngô Khắc H1, Nguyễn Văn C1, Phạm Xuân Q, Lê Thị L và Trịnh Thị T1 rủ nhau đi hát karaoke tại quán K địa chỉ: số A, khu dân cư V, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì tất cả đồng ý. T điều khiển xe ô tô bán tải biển số 36C-369.36 chở theo T1, H1, L1, L2, H, C1; còn Q đi xe máy chở theo L; C đi xe máy một mình chạy theo phía sau.

Trên xe ô tô, H1 nhờ L1 đặt phòng hát karaoke. L1 đồng ý và sử dụng điện thoại liên lạc với Nguyễn Anh Đ để đặt phòng hát tại quán karaoke A. Đồng thời H1 nhờ T1 gọi thêm nhân viên nữ đến để phục vụ hát karaoke. T1 liên lạc với Phạm Thị Bích T2 đến phục vụ hát, thỏa thuận tiền công từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng và nhờ T2 gọi thêm 01 người nữa. Lúc này, Nguyễn Thị Hằng N đang nằm gần T2 trong phòng trọ nghe nói vậy thì xin đi chung với T2 để tiếp khách và nhận tiền bồi dưỡng. Sau đó H1 nói riêng với L1 về việc nhờ L1 mua ma túy cho cả nhóm sử dụng, L1 đồng ý và bảo để tới quán karaoke rồi tính tiếp.

Khi nhóm người gồm T, T1, H1, L1, L2, H, C1, Q, L, C, T2 và N đến quán karaoke, Đ có mặt dẫn cả nhóm lên phòng Vip 6 để hát. Tại đây, L1 gặp và hỏi Đ để mua 01 chাম ma túy dạng khay và 04 viên ma túy dạng viên kẹo (thuốc lắc) và được Đ báo giá 2.000.000 đồng, sẽ lấy tiền sau khi nhóm của L1 sử dụng xong, L1 đồng ý. Sau đó, Đ đi ra ngoài còn cả nhóm tiếp tục hát karaoke tại phòng Vip 6, được khoảng 10 phút thì máy không sử dụng được nên cả nhóm chuyển qua phòng Vip 5 để tiếp tục hát.

Khi cả nhóm đang hát tại phòng Vip 5 thì Đ mang đến 01 túi nylon bên trong chứa chất ma túy (dạng khay) và 04 viên kẹo (dạng thuốc lắc) bỏ lên trên đĩa sứ màu trắng có sẵn trong phòng rồi đi ra ngoài. Thấy vậy, H1 đi đến lấy đưa cho C 01 phần viên kẹo, H1 đưa cho T 01 viên kẹo và 01 phần viên kẹo và yêu cầu T chia cho mọi người sử dụng. Nghe vậy T lấy một phần viên kẹo sử dụng rồi chia cho H 01 phần viên kẹo, T chia cho L 01 viên kẹo, sau đó L bẻ đôi sử dụng một nửa còn một nửa đưa cho T1 sử dụng. Đồng thời T tiếp tục lấy đưa cho N, T2, L2 mỗi người 01 phần để sử dụng. Còn L1, C1, Q tự lấy mỗi người 01 phần viên kẹo từ trên bàn để sử dụng bằng cách uống cùng nước cocacola.

Khoảng 30 phút sau, H1 lấy ma túy (dạng khay) từ trong túi nylon đổ ra đĩa sứ có sẵn trên bàn và dùng bật lửa hơi dưới đáy đĩa rồi dùng giấy phép lái xe mang tên “NGÔ KHẮC H1” để cà nhuễn ma túy và kẻ thành nhiều đường nhỏ. Sau đó H1 đưa cho H đĩa sứ trên đó có chứa ma túy do H1 đã kẻ sẵn. H sử dụng 01 đường rồi đưa lại cho H1. Sau khi sử dụng 02 đường, H1 để đĩa sứ chứa ma túy xuống bàn và nói N chia ma túy cho mọi người cùng sử dụng. Nghe vậy, N cầm đĩa sứ và dùng giấy phép lái xe xào lại và chia thành nhiều đường, N dùng 01 đường sau đó đưa cho L2 sử dụng 01 đường rồi N đem tiếp đĩa sứ trên đó còn ma túy cho T1 nhưng T1 không sử dụng nên N đã để lại đĩa sứ xuống bàn. Cùng lúc này, H1 nói với T2, N gọi thêm tiếp viên nữ để phục vụ sử dụng ma túy. Nghe vậy, T2, N đồng ý. T2 điện thoại cho Trần Thị Tú A1, sinh ngày 19/02/2008, còn N gọi điện thoại cho Huỳnh Thị Mỹ A2, sinh ngày 10/6/2005. Trong quá trình Tú A1 và Mỹ

A2 phục vụ nhóm người trên, Tú A1 tự lấy ma túy trên đĩa sứ để sử dụng, còn Mỹ A2 không sử dụng. Đến 18 giờ 30 phút ngày 24/7/2023, khi cả nhóm ngồi nghe nhạc thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra phát hiện và đưa về trụ sở làm việc.

Kết quả Test ma túy ngày 25/7/2023 của Trung tâm Y tế thành phố T, xác định: Lê Văn T, Lê Hoài L1, Trịnh Đình L2, Ngô Sỹ C, Lê Văn H, Ngô Khắc H1, Nguyễn Văn C1, Phạm Xuân Q, Nguyễn Thị Hằng N, Trần Thị Tú A1, Lê Thị L, Trịnh Thị T1, Phạm Thị Bích T2 dương tính với ma túy loại Methamphetamine, Ketamine và MDMA. Riêng đối tượng Huỳnh Thị Mỹ A2 âm tính với ma túy.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) bì thư niêm phong bên trong chứa chất bột màu trắng nghi vấn là chất ma túy;

- 01 (một) đĩa sứ dạng tròn;

- 01 (một) giấy phép lái xe tên Ngô Khắc H1;

- 01 (một) đoạn ống hút được quấn bằng tờ tiền polyme mệnh giá 20.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại Iphone 11, số máy MWJ12LL/A, số seri C7CD6277N72R, bên trong chứa sim số 0339.146.205 thu giữ của Phạm Thị Bích T2.

Tại Cáo trạng số 67/CT-VKS-TA ngày 06/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Ngô Khắc H1, Lê Hoài L1, Lê Văn T, Phạm Thị Bích T2, Nguyễn Thị Hằng N và Lê Thị L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); truy tố bị cáo Nguyễn Anh Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2024/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Ngô Khắc H1, Lê Hoài L1, Lê Văn T, Phạm Thị Bích T2, Nguyễn Thị Hằng N và Lê Thị L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 24/01/2024, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/7/2023 đến ngày 04/8/2023.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên hình phạt tù đối với các bị cáo Ngô Khắc H1, Lê Hoài L1, Lê Văn T, Phạm Thị Bích T2, Nguyễn Thị Hằng N, Nguyễn

Anh Đ; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 9 năm 2024, bị cáo Lê Thị L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: sau khi dự tiệc cưới, nhóm của bị cáo Lê Thị L rủ nhau đi hát karaoke tại quán K. Tại quán Karaoke bị cáo T chia cho bị cáo L 01 viên kẹo (thuốc lắc), sau đó L bẻ làm đôi sử dụng một nửa còn một nửa đưa cho T1 sử dụng. Bị cáo L không được rủ và phân công chia ma túy cho các đối tượng nghiện. Do đó, bị cáo L không đồng phạm với các bị cáo khác về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Việc Tòa cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L 08 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là sai lầm nghiêm trọng về áp dụng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Xử phạt bị cáo L mức hình phạt tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Lê Thị L thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 24/7/2023, tại quán K có địa chỉ: 1/DC64/83, khu dân cư V, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Ngô Khắc H1, Lê Hoài L1, Lê Văn T, Phạm Thị Bích T2, Nguyễn Thị Hằng N đã có hành vi tổ chức cho Lê Văn H, Trịnh Đình L2, Ngô Sỹ C, Nguyễn Văn C1, Phạm Xuân Q, Trần Thị Tú A1 sử dụng trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Bị cáo Nguyễn Anh Đ đã có hành vi bán 01 chấm ma túy (dạng khay loại Ketamine) và 04 viên kẹo (dạng thuốc lắc MDMA) cho Ngô Khắc H1, Lê Hoài L1 nhằm thu lợi 2.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Anh Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của các bị cáo Ngô Khắc H1, Lê Hoài L1, Lê Văn T, Phạm Thị

Bích T2, Nguyễn Thị Hằng N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thuộc tình tiết định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi”, theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với bị cáo Lê Thị L khi đến quán K, bị cáo không biết các bị cáo khác mua ma túy về sử dụng, cũng không được rủ rê, phân công phục vụ ma túy cho cáo đối tượng nghiện. Sau khi được bị cáo T chia cho bị cáo L 01 viên kẹo, sau đó bị cáo L có hành vi bẻ làm đôi rồi sử dụng một nửa còn một nửa (nửa viên kẹo - dạng thuốc lắc MDMA) đưa cho Trịnh Thị T1 (sinh năm 1991) sử dụng. Hành vi trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Thị L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, với tình tiết định khung hình phạt là “Đối với 02 người trở lên” và “Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là sai lầm trong việc áp dụng pháp luật đối với bị cáo. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo đối với bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2024/HS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị L, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 237/2024/HS- ST ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

1.2 Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2024, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 26/7/2023 đến ngày 04/8/2023.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị L không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố T (03);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố T;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố T;
- Bị cáo;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu VP (4), hồ sơ vụ án, HTHT, 25.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức